TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 10 - 2022
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mỹ Linh.
Ông Hà Trọng Tâm.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trung H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 08, đường số 3, khóm H, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thùy V, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 366/4, đường N, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trung H là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Trung H và bà Dương Thùy V chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến cho vợ chồng không hòa hợp thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được nữa. Hiện nay ông H xác định không còn tình cảm với bà V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông Lê Trung H xác định ông và bà V có 02 con chung tên Lê Gia A, sinh ngày 16/10/2010; Lê Gia D, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu A đang sống chung với ông H, cháu VD đang sống chung với bà V. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi cháu Lê Gia A và đồng ý giao cháu Lê Gia D cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Trung H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Trung H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Dương Thùy V, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, đương sự hiện đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông Lê Trung H và bà Dương Thùy V tại phiên tòa: Đối với ông Lê Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bà Dương Thùy V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Trung H và bà Dương Thùy V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà V là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét thấy trong quá trình chung sống ông H xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, hiện nay ông H không còn tình cảm với bà V và vợ chồng đã ly thân với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Về phía bà V mặc dù đã được tống đạt hợp lệ và biết được ông H yêu cầu ly hôn nhưng bà V không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình cho Tòa án. Chứng tỏ rằng việc mâu thuẫn trong gia đình của cả hai là thực sự tồn tại và không thể hàn gắn, mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể duy trì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H cho ông được ly hôn với bà V.

[3] Về con chung: Ông Lê Trung H xác định có 02 người con chung tên Lê Gia A, sinh ngày 16/10/2010; Lê Gia D, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu A đang sống chung với ông H, cháu D đang sống chung với bà V. Khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi cháu A và giao cháu D cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, hiện nay anh cháu A đang sống chung với anh H, cháu D đang sống chung với bà V. Khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi cháu A và giao D cho bà V nuôi là phù hợp bởi lẽ hiện nay cháy D vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và tạo điều kiện cho các cháu không bị thay đổi về chỗ ở cũng như tâm lý khi cha mẹ ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông H tiếp tục giao cháu A cho ông H nuôi dưỡng, và giao cháu D cho bà V nuôi dưỡng.

Ông H, bà V có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Lê Trung H phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung H.

- Về hôn nhân: Ông Lê Trung H được ly hôn bà Dương Thùy V.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia A, sinh ngày 16/10/2010 cho ông H nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Gia D, sinh ngày 05/11/2015 cho bà V nuôi dưỡng không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Trung H và bà Dương Thùy V có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Lê Trung H phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 23/6/2022 ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001618 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Ông Lê Trung H, bà Dương Thùy V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.